

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán kinh phí hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX ban hành Quy định một số
chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang;*

*Xét Tờ trình số 35/TTr-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh
năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh
Tuyên Quang năm 2022 với tổng số tiền 11.437.000.000 đồng (mười một tỷ,
bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn), trong đó:**

1. Chi cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 1.153.695.000 đồng.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh: 433.445.000 đồng.
3. Chi thường xuyên các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh: 9.849.860.000 đồng.

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

DỰ TOÁN CHI TIẾT**Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh năm 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
A	Chi cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh:	1.153.695.000
1	Hoạt động phí của đại biểu:	491.700.000
	<i>55 đại biểu x (1.490.000 đồng x 0,5) x 12 tháng</i>	<i>491.700.000</i>
2	Sổ tay đại biểu nhân dân: <i>110 cuốn x 70.000 đồng/cuốn</i>	<i>7.700.000</i>
3	Lịch treo tường đại biểu nhân dân năm 2022: <i>150 tờ x 50.000 đồng/tờ</i>	<i>7.500.000</i>
4	Báo đại biểu nhân dân:	137.887.500
	<i>Báo Đại biểu nhân dân: (75 số x 4.900 đồng/số) x 365 kỳ/năm</i>	<i>134.137.500</i>
	<i>Báo Đại biểu nhân dân số báo tết: 75 số x 50.000 đồng/số</i>	<i>3.750.000</i>
5	Báo Tuyên Quang cấp cho đại biểu HĐND tỉnh ở cơ sở:	3.907.500
	<i>Báo Tuyên Quang: (15 số x 1.500 đồng/số) x 157 kỳ/năm</i>	<i>3.532.500</i>
	<i>Báo Tuyên Quang số tết: 15 số x 25.000 đồng/số</i>	<i>375.000</i>
6	Bìa lịch, Bloc lịch năm 2022: <i>100 bộ x 400.000 đồng/bộ</i>	<i>40.000.000</i>
7	Chi nhuận bút tin, bài hoạt động của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	300.000.000
8	Hỗ trợ thăm khám sức khỏe định kỳ cho đại biểu HĐND tỉnh	165.000.000
	<i>55 đại biểu x 3.000.000 đồng/đại biểu</i>	
B	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh	433.445.000
1	Máy ghi âm kỹ thuật số Sony: <i>02 cái x 4.600.000 đồng</i>	<i>9.200.000</i>
2	Bổ sung tính năng cho phần mềm điều hành và quản lý tài liệu của HĐND tỉnh (eDoc+): Phân hệ Phiếu đăng ký chất vấn, thảo luận trực tuyến <i>01 bảng tính x 223.364.000 đồng</i>	<i>223.364.000</i>
3	Rà soát, đánh giá và khắc phục an toàn an ninh các hệ thống thông tin năm 2022	108.900.000
4	Dịch vụ thuê hàng năm	84.000.000
5	Chi phí khác	7.981.000
C	Chi thường xuyên:	9.849.860.000
I	Chi hoạt động chung	7.553.358.000
1	Chi hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh	7.334.338.000
<i>1.1</i>	<i>Chi phục vụ 02 kỳ họp HĐND tỉnh (kỳ họp thứ 4, 5 khóa XIX)</i>	<i>1.739.078.000</i>

TT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
1.2	Chi phục vụ 02 kỳ họp chuyên đề HĐND tỉnh khóa XIX	772.800.000
1.3	Chi tập huấn kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026	410.500.000
1.4	Chi học tập, trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn	500.000.000
1.5	Chi dự hội nghị các tỉnh, Trung ương	250.000.000
1.6	Chi tiếp khách	650.000.000
1.7	Chi tổ chức đoàn công tác nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm hoạt động đại biểu dân cử tại Úc và New Zealand.	1.420.320.000
1.8	Chi hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND tỉnh với HĐND các huyện, thành phố	150.400.000
1.9	Chi hoạt động giám sát, tiếp công dân, báo cáo, họp của Thường trực HĐND tỉnh	891.240.000
1.10	Chi xây dựng băng hình ảnh giám sát chuyên đề: 01 Cuộc x 50.000.000 đồng/cuộc	50.000.000
1.11	Chi khác	500.000.000
2	Chi điều hòa hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh	219.020.000
2.1	Giám sát để xây dựng báo cáo thẩm tra và giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về một số nhiệm vụ phát sinh trong năm UBND tỉnh xin ý kiến: 14 người x 20 ngày x 140.000 đồng	42.000.000
2.2	Chi thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết và thẩm tra các văn bản phát sinh	37.500.000
2.3	Chi các cuộc họp thẩm tra các báo cáo trình kỳ họp của các Ban	139.520.000
II	Chi hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh	1.762.900.000
III	Chi hoạt động của các tổ đại biểu HĐND tỉnh	533.602.000
Tổng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh năm 2022 (A+B+C):		11.437.000.000

Số tiền bằng chữ: Mười một tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng chẵn./.